

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN

Số: 3266/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận Ngô Quyền, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
Quận Ngô Quyền năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND quận về quyết định dự toán thu ngân sách địa phương; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường thuộc Quận Ngô Quyền (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền-Hải An căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường thuộc quận triển khai thực hiện kế hoạch quận giao.

Giao Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được giao; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Ngô Quyền-Hải An, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng, Chủ tịch UBND các phường và Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHĐT, Sở TC (để báo cáo);
- TTQU, TTHĐND quận;
- CT, các PCT UBND quận;
- UBMTTQ VN quận và các tổ chức CT-XH;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND 08 phường;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Chấp Trạng Tuấn

ĐƠN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

ĐƠN VỊ: PHÒNG TIỂU HỌC NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

MÃ SỐ: 1064882

MÃ KBNN NỘI GIAO DỊCH: 0061

(Theo Quyết định số: 3266/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND Quận Ngô Quyền)

(ĐVT: 1000 đồng)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.062.000
1	Giáo dục, đào tạo, dạy nghề (MÃ NGÀNH: 072)	15.062.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.807.000
-	Nguồn tự chủ	14.117.000
-	Quỹ tiền thưởng theo NĐ số 73/2024	690.000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	255.000
	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm (MDP: 100)	255.000
2	Quản lý hành chính	
3	Nghiên cứu khoa học	

[Handwritten signature]

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 - KHỐI TIÊU HỌC

Biểu số 9

(Kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND quận)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số lao động được giao năm 2024	Số học sinh theo QĐ 2254 ngày 28/8/2024	Tổng số lao động (hiện đang có mặt)	Trong đó:		Hệ số lương		Hệ số phụ cấp					Tổng hệ số lương	Cộng hệ số lương	BH: XH, YT, TN & CD	Tổng hệ số lương 1 tháng	Quỹ lương	Chi nhiệm vụ giáo dục	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024	Tổng nhu cầu kinh phí	10% tiết kiệm	Kinh phí giao
					BC	HD	BC	HD	CV	VK	TN NG	UB	TrN										
a	b	c	d	e=J+K	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+12	14=(13-10-11)*23,3%	15=13-14	16=15*2,34*12th	17=16*19,81	18=17*2,34*12th*10%	19=16-17	19=17*10%	21=18-19
	KHỐI TIÊU HỌC	653	12.234	597	587	11	2.238,39	25,46	27,75	1,63	388,68	761,69	3,80	32,90	3.480,30	637,98	4.118,28	115.156	17.272	6.284	138.713	1.727	136.986
1	Nguyễn Thượng Hiền	67	1.281	62	63	0	245,66	0,00	2,85	0,00	44,29	83,09	0,30	5,00	381,19	69,98	451,17	12.669	1.892	690	15.251	189	15.062
2	Nguyễn Khuyến	30	462	29	28	1	99,15	2,34	2,00	0,35	15,62	32,73	0,30	3,70	156,19	28,94	185,13	5.151	776	278	6.206	78	6.127
3	Nguyễn Trãi	50	1.007	49	47	2	194,18	4,54	2,55	0,00	37,54	66,25	0,30	1,68	307,04	56,52	363,56	10.135	1.525	545	12.205	152	12.053
4	Nguyễn Du	66	1.214	58	57	1	217,70	2,34	2,65	0,00	37,99	74,84	0,40	2,10	338,02	61,75	399,77	11.167	1.677	611	13.455	168	13.287
5	Lê Hồng Phong	77	1.520	73	71	2	275,45	4,68	2,70	0,29	48,95	95,34	0,40	3,32	431,13	78,82	509,95	14.197	2.139	773	17.109	214	16.895
6	Thái Phiên	65	1.160	59	59	0	226,86	0,00	2,70	0,41	41,25	77,26	0,40	1,60	350,48	64,11	414,59	11.642	1.739	637	14.018	174	13.844
7	Chu Văn An	106	2.203	87	85	2	315,70	4,68	2,85	0,29	51,48	107,43	0,40	3,63	486,46	88,98	575,44	16.063	2.413	886	19.363	241	19.121
8	Quang Trung	58	1.085	53	52	1	206,98	2,34	2,85	0,29	37,52	71,25	0,40	1,70	323,33	59,14	382,47	10.693	1.604	581	12.878	160	12.718
9	Kim Đồng	29	395	28	28	0	97,59	0,00	1,80	0,00	14,58	31,97	0,30	3,30	149,54	27,56	177,10	4.973	743	274	5.990	74	5.916
10	Đảng Giang	50	897	47	46	1	161,96	2,27	2,25	0,00	24,48	54,24	0,30	4,44	249,94	45,92	295,86	8.308	1.241	455	10.003	124	9.880
11	Trần Quốc Toàn	55	1.010	52	51	1	197,16	2,27	2,55	0,00	34,98	67,29	0,30	2,43	306,98	56,26	363,24	10.158	1.523	554	12.235	152	12.083

Ghi chú

- Chi nhiệm vụ giáo dục tính theo định mức tại Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố, theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng.
- Quỹ tiền thưởng thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định 73/2023 và các văn bản hướng dẫn